Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4817.30.00

Mã HS	4817.30.00
Mô tả hàng hóa	Phong bì, bưu thiếp dạng phong bì (letter cards), bưu thiếp trơn và bưu thiếp dạng thư tín (correspondence cards), bằng giấy hoặc bìa; các loại hộp, túi ví, cặp tài liệu và cặp hồ sơ in sẵn, bằng giấy hoặc bìa, có chứa văn phòng phẩm bằng giấy / - Hộp, túi ví, cặp tài liệu và cặp hồ sơ in sẵn, bằng giấy hoặc bìa, có chứa văn phòng phẩm bằng giấy
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:33:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/48173000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7663
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7663
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7663
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,1	3,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7388
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7341
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7341
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7341
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7341
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7341
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7341
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E7391
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7391
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7391
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7391

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7391
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7391
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7392
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7392
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7392
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7392
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7392
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7392
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7393
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7347
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7355
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7355
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7355
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7355
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7355
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7355
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7377
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7377
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7377
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7377
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7377
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7377
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7423
VCFTA	2023	2023	3	VC!E7423
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7423
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7423

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7423
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7423
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7403
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7403
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7403
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7403
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7403
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7403
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7416
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7416
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7416
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7416
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7416
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7416
EVFTA	2022	2022	15,6	EV-NK!D7420
EVFTA	2023	2023	12,5	EV-NK!E7420
EVFTA	2024	2024	9,3	EV-NK!F7420
EVFTA	2025	2025	6,2	EV-NK!G7420
EVFTA	2026	2026	3,1	EV-NK!H7420
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7420
UKVFTA	2022	2022	15,6	UKV!D7421
UKVFTA	2023	2023	12,5	UKV!E7421
UKVFTA	2024	2024	9,3	UKV!F7421
UKVFTA	2025	2025	6,2	UKV!G7421
UKVFTA	2026	2026	3,1	UKV!H7421
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7421

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7371
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7371
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7371
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7371
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7371
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7371
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7371
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D7408
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E7408
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F7408
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G7408
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H7408
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I7408
RCEP B	2022	2022	25	B!D7408
RCEP B	2023	2023	25	B!E7408
RCEP B	2024	2024	25	B!F7408
RCEP B	2025	2025	25	B!G7408
RCEP B	2026	2026	25	B!H7408
RCEP B	2027	2027	25	B!I7408
RCEP C	2022	2022	*	C!D7408
RCEP C	2023	2023	*	C!E7408
RCEP C	2024	2024	*	C!F7408
RCEP C	2025	2025	*	C!G7408
RCEP C	2026	2026	*	C!H7408
RCEP C	2027	2027	*	C!I7408
RCEP D	2022	2022	25	D!D7408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	25	D!E7408
RCEP D	2024	2024	25	D!F7408
RCEP D	2025	2025	25	D!G7408
RCEP D	2026	2026	25	D!H7408
RCEP D	2027	2027	25	D!I7408
RCEP E	2022	2022	25	E!D7411
RCEP E	2023	2023	25	E!E7411
RCEP E	2024	2024	25	E!F7411
RCEP E	2025	2025	25	E!G7411
RCEP E	2026	2026	25	E!H7411
RCEP E	2027	2027	25	E!I7411
RCEP F	2022	2022	25	F!D7408
RCEP F	2023	2023	25	F!E7408
RCEP F	2024	2024	25	F!F7408
RCEP F	2025	2025	25	F!G7408
RCEP F	2026	2026	25	F!H7408
RCEP F	2027	2027	25	F!I7408
VIFTA	2024	2024	22,5	VI!F6854
VIFTA	2025	2025	20	VI!G6854
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H6854
VIFTA	2027	2027	15	VI!I6854

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4817.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 4817.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7663), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.